

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ

Ngày 24/ 12/ 2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Chương
2. Ông Quảng Văn Minh
- Th- ký phiên toà: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 24/12/2021 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị T - Sinh năm 1976 (có mặt).
Trú tại: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lương Văn T - Sinh năm 1977 (vắng mặt).
Trú tại: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/11/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Cà Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lương Văn T có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và lấy nhau vào năm 1994, khi lấy nhau không đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Chúng tôi lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày c- ối đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống nguyên nhân nữa do anh T bị nghiện chất ma túy không quan tâm đến vợ con. Hai bên gia đình đã hòa giải 2 lần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi đã ly thân từ tháng 2 năm 2019 cho đến nay không quay lại. Từ khi ly thân anh T đã bỏ mặc không quan tâm đến tôi và các con. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 3 con chung, cháu đầu là Lương Thị Thu N sinh ngày 20/10/1995, cháu thứ hai Lương Thị Thúy N sinh

ngày 17/8/1997 và Lương Đức V sinh ngày 12/02/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2021 và các biên bản hòa giải tại Tòa anh Lương Văn T (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô T lấy nhau năm 1994 và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi không đi đăng ký kết hôn lấy nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc từ năm 1994 đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cô T đi làm thuê ở H mới xảy ra mâu thuẫn xích mích tôi bảo về làm thuê gần nhà chăm sóc chồng con cô Thanh không nghe. Tôi bị tai nạn ngã xe ốm đau cô T không quan tâm. Tháng 5 năm 2019 tôi bị đi cai nghiện 18 tháng cô T cũng không một lời hỏi thăm. Nay tự ý ra Tòa ly hôn, tôi cảm thấy cuộc sống không còn hạnh phúc. Hiện tình cảm không còn cô T làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2. Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung, Lương Thị Thu N sinh ngày 20/10/1995; Lương Thị Thúy N sinh ngày 17/8/1997; Lương Đức V sinh ngày 12/02/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả: Nợ lấy về: Diện tích ruộng nương: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Cà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu giải quyết về tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay anh T có đơn xin vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T có đơn xin xét vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T chung sống với nhau từ năm 1994 theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ c-ới theo phong tục tập quán đã chung sống với nhau như vợ chồng. Việc anh chị lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc, tuy nhiên theo chị T thì vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, sống buông thả theo bạn bè và bị nghiện ma túy, sống không quan tâm vợ con. Chị và gia đình đã hòa giải 2 lần nhưng mâu

thuần ngày càng trầm trọng hai vợ chồng đã ly thân gần 2 năm nay. Hiện tình cảm không còn nên chị xin ly hôn với anh T.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án anh T cũng có chung quan điểm như chị T hai anh chị mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do tính tình không hợp nhau chị T bỏ mặc không quan tâm chồng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về tình cảm hai vợ chồng của chị T và anh T đã trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai anh chị đã ly thân theo Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Tuy nhiên từ năm 1994 đến năm 2021 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nhưng anh T và chị T đều khai không đi đăng ký kết hôn.

Xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân không hợp pháp. Do vậy HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T.

[3]. Về con chung: Hai anh chị đều công nhận có 3 con: Lường Thị Thu N sinh ngày 20/10/1995; Lường Thị Thúy N sinh ngày 17/8/1997; Lường Đức V sinh ngày 12/02/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của 2 anh chị là phù hợp quy định tại Điều 69 70 của luật hôn nhân gia đình 2014 HĐXX chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương chị T và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại bản đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 69, 70 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/ Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Cà Thị T và anh Lường Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung, Lường Thị Thu N sinh ngày 20/10/1995; Lường Thị Thúy N sinh ngày 17/8/1997; Lường Đức V sinh

ngày 12/02/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 1 khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Cà Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

